

Bản án số: 96/2019/HS-PT

Ngày: 08 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh
Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 58/2018/TLPT-HS ngày 25 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Hoàng Minh L và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hoàng Minh L, tên gọi khác: Lỳ; sinh năm 1988;

Nơi cư trú: thôn Đ3, xã Đ1, thị xã Đ2, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; con ông: Hoàng Minh B1 và bà Lê Thị Huỳnh H3; tiền sự: không.

Tiền án: ngày 22-9-2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong ngày 10-12-2016.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18-5-2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt.

2. Nguyễn Thị P, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: thôn P3, xã Q, huyện N1, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Nguyễn P4 và bà Hứa Thị T5; có 02 con, lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19-7-2018, thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh ngày 05-10-2018, bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. **Lê Văn H**; tên gọi khác: Đen, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn P5, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Lê H4 và bà Nguyễn Thị C1; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. **Huỳnh Minh H1**; tên gọi khác: Ruội, Út, sinh ngày 04-6-2000; nơi cư trú: thôn TH, xã Đ1, thị xã Đ2, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 11/12; con ông: Huỳnh Văn L1 và bà Lê Thị Giang C; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Huỳnh Minh H1:

Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm 1968 (có mặt) và bà Lê Thị Tranh C, sinh năm 1973 (vắng mặt); đều trú tại: thôn TH, xã Đ1, thị xã Đ2, tỉnh Quảng Nam (là cha mẹ ruột của bị cáo H1).

- Ngoài ra trong vụ án còn có 04 bị cáo; 21 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Lúc 16 giờ 20 phút ngày 14-12-2017 tại đoạn đường liên thôn thuộc thôn Đ, Xã Đ1, Thị xã Đ2, Quảng Nam, tổ công tác của Công an tỉnh Quảng Nam phát hiện Viên Quang T đang điều khiển xe mô tô có biểu hiện nghi vấn tàng trữ trái phép chất ma túy nên yêu cầu T dừng xe để kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra thu giữ trong người T 02 gói tinh thể màu trắng (*qua thử nhanh xác định: 01 gói có trọng lượng là 1,1 gam; 01 gói có trọng lượng là 10 gam đều là Methamphetamine*) 01 điện thoại di động hiệu Iphone gắn sim 0903592848; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh bên trong gắn 02 sim số 01262790541, 0903501242; số tiền 10.000.000 đồng; 01 xe mô tô BKS 43S6-2394. T khai 02 gói ma túy trên là của T dùng để sử dụng và bán cho người khác. Lúc 16 giờ 40 phút cùng ngày, Tổ công tác lập biên bản phạm tội quả tang Viên Quang T về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Lúc 17 giờ 40 phút ngày 14-12-2017, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Viên Quang T phát hiện và tạm giữ 08 gói ni lông chứa tinh thể màu trắng (*qua thử nhanh là Methamphetamine, có trọng lượng 18,12 gam*); 07 viên nén dạng hình hộp chữ nhật và nhiều viên đã vỡ nát; Viên Quang T khai toàn bộ số ma túy thu giữ trên là do T mua của một người đàn ông tên Lợi ở Kon Tum (*không rõ lai lịch*) trước ngày bị bắt khoảng 2-3 ngày; còn 07 viên nén dạng hình hộp chữ nhật và nhiều viên đã vỡ nát là thuốc lắc T mua của người đàn ông tên Tý Nuôi ở Thị xã Đ2 (*không rõ lai lịch*).

Bản kết luận giám định số 900/C54C(Đ4) ngày 26-12-2017 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Chất rắn màu trắng (dạng tinh thể) đựng trong gói nilong ký hiệu 01 được niêm phong trong phong bì ký hiệu I gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 1,026 gam là loại Methamphetamine.

- Chất rắn màu trắng (dạng tinh thể) đựng trong gói nilong ký hiệu 02 được niêm phong trong phong bì ký hiệu I gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 9,783 gam là loại Methamphetamine.

- Chất rắn màu trắng (dạng tinh thể) đựng trong gói nilong được niêm phong trong phong bì ký hiệu II gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 18,927 gam là loại Methamphetamine.

- 07 viên nén hình hộp chữ nhật và nhiều viên nén đã nát vụn màu xanh da trời đựng trong gói nilong được niêm phong trong phong bì ký hiệu III gửi giám định đều không phải chất ma túy thường gặp; tổng trọng lượng mẫu là 2,730 gam.

Bị cáo Viên Quang T khai nhận sử dụng ma túy đá từ năm 2016. Khoảng tháng 9/2017, T mua ma túy đá về sử dụng và bán lại cho nhiều người; từ lời khai của T đã phát hiện hành vi phạm tội của các bị cáo khác.

[2] Đối với trường hợp của bị cáo Nguyễn Thị P, trong khoảng đầu tháng 11-2017 đến đầu tháng 12-2017, T liên lạc với Nguyễn Thị P và 03 lần mua ma túy dạng thuốc lắc của P. Lần đầu mua 20 viên dạng răng cưa với giá 230.000 đồng/1 viên; lần thứ 2 mua 20 viên với giá 230.000 đồng/1 viên; lần thứ 3 vào đầu tháng 12-2017, T mua 50 viên với giá 250.000 đồng/1 viên nhưng P đưa thiếu 03 viên. Mỗi lần mua ma túy dạng thuốc lắc của P, T dùng điện thoại số 0905937925 hoặc số 0905265637 gọi điện thoại cho P số 01267291407, P hẹn T tại cầu Vĩnh Điện mới để giao ma túy cho T và nhận tiền. Tổng cộng mua 87 viên với số tiền 21.700.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị P khai nhận: trong thời gian chung sống

với Đỗ Công T3 tại xã Đ1, thị xã Đ2, bị cáo P quen biết với Viên Quang T (T Nhi), Nguyễn Văn T1 (T1 Đen) và Trần Thị Trúc P1 (vợ Đen L1) và những người này có mua ma túy của T3 để sử dụng và bán lại. Vào cuối tháng 8-2017, P giúp T3 bán 15 viên thuốc lắc cho Trần Minh T2 (bạn thân của T3) tại ngõ nhà T3 và nhận tiền từ T2, sau đó P đưa tiền lại cho T3. Sau khi T3 chết, khoảng tháng 10-2017 P quen với Lê Văn H và cùng H thuê nhà trọ sống chung tại Đà Nẵng.

Đầu tháng 11-2017 đến khoảng gần tết Nguyên Đán năm 2018, P mua của một người đàn ông tên Bin (không rõ lai lịch) tại bến xe Đà Nẵng 120 viên ma túy dạng thuốc lắc với số tiền 21.000.000 đồng, sau đó P mang về nhiều lần bán cho Viên Quang T và Trần Thị Trúc P1, cụ thể như sau:

- Từ tháng 11-2017 đến đầu tháng 12-2017, Nguyễn Thị P 03 lần bán cho Viên Quang T tổng cộng 87 viên ma túy dạng thuốc lắc với số tiền 21.750.000 đồng (250.000 đồng/1 viên). Ngoài mua ma túy dạng thuốc lắc của Nguyễn Thị P vào đầu tháng 12-2017, T 02 lần bán ma túy đá cho Nguyễn Thị P, mỗi lần 10 gam giá 6.000.000 đồng.

- Đầu năm 2018 (trước tết Nguyên Đán), Nguyễn Thị P 02 lần bán cho Trần Thị Trúc P1 32 viên thuốc lắc số tiền 8.000.000 đồng. Cụ thể lần đầu 20 viên dạng răng cưa giá 250.000 đồng/1 viên tại phòng trọ nơi Nguyễn Thị P ở tại Đà Nẵng (không nhớ cụ thể); lần 2 cách lần sau khoảng nửa tháng mua 12 viên với giá 270.000 đồng/1 viên do Nguyễn Thị P đưa ma túy cho Lê Văn H (là người yêu của Nguyễn Thị P lúc bấy giờ) mang đến khu vực gần nhà nghỉ CM (Xã Đ1, Thị xã Đ2) để giao cho Trần Thị Trúc P1. Mỗi lần mua ma túy của Nguyễn Thị P, Trần Thị Trúc P1 dùng số điện thoại 01227947087 gọi vào số điện thoại của Nguyễn Thị P số đuôi là 407 để trao đổi mua bán.

[3] Trường hợp liên quan đến bị cáo Hoàng Minh L, bị cáo T bán cho Hoàng Minh L 03 - 04 lần, mỗi lần 01 gói nhỏ ma túy đá giá 500.000 đồng để L sử dụng.

Ngoài ra, đầu tháng 12-2017, T đã 02 lần đưa ma túy đá cho bị cáo L bán, mỗi lần đưa 2,5 gam, bán cho ai thì T không rõ nhưng trong đó có 03 người gọi điện hỏi mua ma túy của T nhưng T gọi cho L để bán, cụ thể: chiều ngày 12-12-2017, bé Na bạn gái của Huỳnh Minh Dạ V1 gọi điện cho T hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy đá, T gọi điện thoại cho L mang 01 gam ma túy đá đến tại nhà nghỉ đối diện cây xăng PT thuộc Xã Đ5 bán cho Na; tối ngày 13-12-2017, Bảy Chà (Lê H2) gọi điện thoại hỏi T mua 01 gam ma túy đá, T đưa số điện thoại của L cho Bảy Chà liên lạc, sau đó T gọi điện thoại cho L bán cho Bảy Chà 01 gam giá 1.300.000 đồng; 01 lần gần cuối tháng 12-2017, Nguyễn Duy P2 (tên gọi

khác: P2 Ngợi; sinh năm 1985; trú tại khối 8A, xã Đ4, Thị xã Đ2, Quảng Nam) gọi điện thoại cho T hỏi mua 01 gam, T đưa số điện thoại của L cho P2 và bảo P2 gọi cho L mua ma túy. Số tiền bán ma túy bị cáo L giao lại nhưng T không nhớ là bao nhiêu.

Đầu tháng 12-2017, T đưa cho L nửa hộp 5 ma túy đá (tức 2,5 gam) để L bán, nhưng L không biết bán cho ai nên đã sử dụng hết và đưa lại cho T 2.000.000 đồng. Khoảng gần giữa tháng 12-2017, T đưa tiếp nửa hộp 5 (tức 2,5 gam) để L bán. Số ma túy này L bán cho P2 Ngợi (Nguyễn Duy P2) 01 lần giá 1.000.000 đồng tại nhà L; bán cho người phụ nữ tên Na 01 lần giá 1.000.000 đồng tại một nhà nghỉ tại cây xăng PT ở Xã Đ5; bán cho Bảy Chà (Lê H2) 01 lần 1.300.000 đồng tại khu vực gần nhà L. Mỗi lần bán đều do T yêu cầu L liên lạc với những người này để bán ma túy. Sau khi bán xong, L đưa lại cho T 2.000.000 đồng, còn lại 1.300.000 đồng L tiêu xài. Cơ quan cảnh sát điều tra tổ chức cho Lê H2, Nguyễn Duy P2 nhận dạng Hoàng Minh L qua ảnh, H2, P2 đều xác nhận chính Hoàng Minh L là người bán ma túy.

Ngày 18-5-2018, Hoàng Minh L đến Công an xã Đ1, thị xã Đ2 đầu thú và khai nhận: bị cáo sử dụng ma túy đá vào khoảng tháng 8-2017 và đã mua ma túy của T khoảng từ 02-03 lần với giá 500.000 đồng (không rõ trọng lượng).

[4] Trường hợp của Lê Văn H, trong thời gian này H sống chung với Nguyễn Thị P, khi Nguyễn Thị P bị bắt, Lê Văn H đến Công an tỉnh Quảng Nam đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình đã giúp Nguyễn Thị P một lần bán 12 viên ma túy dạng thuốc lắc cho Trần Thị Trúc P1 tại khu vực gần nhà nghỉ CM. Kể từ thời gian đó, Nguyễn Thị P cùng Lê Văn H sống chung với nhau và bán hàng Online, không bán ma túy nữa.

[5] Trường hợp của Huỳnh Minh H1 là em chồng của Trần Thị Trúc P1, P1 trước đây sống chung với gia đình H1 tại Thôn TH, Xã Đ1, Thị xã Đ2. H1 biết P1 mua bán ma túy đá và ma túy dạng thuốc lắc. Vào giữa tháng 12-2017, Trần Minh Đ6 hỏi mua 15 viên và yêu cầu P1 mang đến quán Karaoke LX, P1 đồng ý và bán 15 viên với giá 5.200.000 đồng. Trần Thị Trúc P1 gọi điện thoại bảo Trần Văn B mang 15 viên thuốc lắc đưa cho Đ6 tuy nhiên B bận không đi được nên P1 nhờ Huỳnh Minh H1 đến gặp B lấy lại 15 viên thuốc lắc mang đến quán Karaoke LX giao cho Trần Minh Đ6, sau đó P1 gặp Đ6 lấy tiền. P1 có dặn H1 khi giao hàng thì cẩn thận chỉ vứt xuống đất để Đ6 đến lấy. Do P1 là chị dâu của H1 nên H1 giúp P1 bán ma túy một lần và H1 không hưởng lợi gì.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Viên Quang T, Trần Thị Trúc P1, Hoàng Minh L,

Nguyễn Thị P, Trần Văn B, Võ Quốc T4, Huỳnh Minh H1, Lê Văn H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b, p khoản 2, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hoàng Minh L 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-5-2018.

Phạt bổ sung Hoàng Minh L 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 19-7-2018 đến ngày 05-10-2018.

Phạt bổ sung Nguyễn Thị P 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh H1 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Viên Quang T, Trần Thị Trúc P1, Trần Văn B, Võ Quốc T4, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo pháp luật.

Ngày 13- 11-2018 bị cáo Hoàng Minh L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14- 11- 2018 bị cáo Huỳnh Minh H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26-11- 2018 bị cáo Nguyễn Thị P và Lê Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến Hội đồng xét xử phúc

thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Minh H1 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo H1 Minh L, Nguyễn Thị P, Lê Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về xác định tội danh của các bị cáo có kháng cáo: từ việc bắt quả tang Viên Quang T đang có hành vi “*mua bán trái phép chất ma túy*” vào lúc 16 giờ 20 phút ngày 14-12-2017 tại đoạn đường liên thôn thuộc thôn Đ, Xã Đ1, Thị xã Đ2, Quảng Nam. Quá trình điều tra đã xác định được:

[1.1] *Đối với bị cáo Nguyễn Thị P:* Khoảng tháng 11-2017 đến đầu năm 2018, Nguyễn Thị P mua 120 viên ma túy dạng thuốc lắc của một người tên là Bin (ở Đà Nẵng không rõ lai lịch) với số tiền 21.000.000 đồng. Sau đó P mang về 03 lần bán cho Viên Quang T và 02 lần bán cho Trần Thị Trúc P1. Tổng cộng 119 viên số tiền thu được 30.500.000 đồng. Thu lợi 9.500.000 đồng. Vào tháng 8-2017, Nguyễn Thị P còn giúp cho Đỗ Công T3 bán 15 viên thuốc lắc cho Trần Minh T2. Không thu được mẫu vật nên không xác định được loại ma túy cũng như khối lượng ma túy này.

[1.2] *Đối với bị cáo Hoàng Minh L:* Đầu tháng 12-2017, L nhiều lần mua ma túy của Viên Quang T sử dụng và 02 lần Viên Quang T đưa ma túy cho L bán, mỗi lần 2,5 gam. Qua giới thiệu của Viên Quang T, L đã nhiều lần bán ma túy cho nhiều người. Số tiền bán ma túy tổng cộng 3.300.000 đồng, L trả lại cho T 2.000.000 đồng, còn L giữ lại 1.300.000 đồng tiêu xài cá nhân. Số ma túy này T và L không cân xác định khối lượng mà chỉ ước lượng để bán.

Ngày 22-9-2010, bị cáo Huỳnh Minh L bị Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xử phạt 07 năm 06 tháng tù giam về tội “Cướp tài sản”. Ngày 10-12-2016 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo đã phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy nên hành vi phạm tội của bị cáo L thuộc trường hợp định khung “phạm tội nhiều lần” và “tái phạm nguy hiểm”.

[1.3] *Đối với bị cáo Huỳnh Minh H1:* là em chồng của bị cáo Trần Thị Trúc P1 và biết Trần Thị Trúc P1 bán ma túy; vào giữa tháng 12-2017, H1 đã 01 lần giúp P1 bán 15 viên ma túy dạng thuốc lắc cho Trần Minh Đ6. Tuy nhiên, H1 không hưởng lợi gì về vật chất.

[1.4] Đối với bị cáo Lê Văn H: H là người yêu của Nguyễn Thị P sống chung với nhau như vợ chồng, H biết Nguyễn Thị P bán ma túy dạng thuốc lắc nên vào thời gian đầu năm 2018 đã 01 lần giúp P bán 12 viên ma túy dạng thuốc lắc cho Trần Thị Trúc P1.

Với hành vi như trên, bản án sơ thẩm quyết định các bị cáo Hoàng Minh L, Nguyễn Thị P, Huỳnh Minh H1, Lê Văn H đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng Minh L thì thấy: bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng với 02 tình tiết định khung hình phạt.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên Hội đồng xét xử áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Hoàng Minh L đã tự giác đến cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, có ông nội là Hoàng Minh Luông và bà nội Nguyễn Thị Quý được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết định khung tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Hoàng Minh L 08 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị P thì thấy: bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng với 01 tình tiết định khung hình phạt. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, khi phạm tội đang có thai, nên Hội đồng xét xử áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Gia đình bị cáo Nguyễn Thị P có truyền thống cách mạng, có cha là Nguyễn Phê được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang đã có thành tích phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 07 năm tù là phù hợp, nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn H thì thấy: hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn H thuộc trường hợp nghiêm trọng. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo H tự giác đến cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuy nhiên xét thấy hành vi của bị cáo tham gia giúp sức nhưng có vai trò không đáng kể, chỉ một lần rồi tự giác làm ăn bán hàng Online, không bán ma túy nữa. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới là có con nhỏ sinh ngày 25/01/2019 với bị cáo Nguyễn Thị P nên hoàn cảnh gia đình khó khăn; trường hợp của bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Từ đó cần xem xét giảm cho bị cáo một mức hình phạt để bị cáo được sớm hòa nhập xã hội. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo H.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Minh H1 thì thấy: hành vi của bị cáo Huỳnh Minh H1 thuộc trường hợp nghiêm trọng. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; cấp sơ thẩm đã áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, và các Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, tham gia giúp sức nhưng có vai trò không đáng kể, có nhiều tình tiết giảm nhẹ đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Từ đó cần xem xét giảm cho bị cáo một mức hình phạt để bị cáo được sớm hòa nhập xã hội. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo H1.

[6] Theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, các bị cáo Hoàng Minh L, Nguyễn Thị P không được Tòa án chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Lê Văn H, Huỳnh Minh H1 được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự

phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Viên Quang T, Trần Thị Trúc P1, Trần Văn B, Võ Quốc T4; về phạt tiền bổ sung, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng Minh L, bị cáo Nguyễn Thị P; giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với trường hợp của bị cáo Hoàng Minh L, bị cáo Nguyễn Thị P.

- Áp dụng điểm b, p khoản 2, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Hoàng Minh L 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-5-2018.

Phạt bổ sung Hoàng Minh L 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 07 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 19-7-2018 đến ngày 05-10-2018.

Phạt bổ sung Nguyễn Thị P 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Sửa một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo Lê Văn H và bị cáo Huỳnh Minh H1 về hình phạt;

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 18 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 91, Điều 101 Bộ

luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh H1 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Hoàng Minh L phải chịu là 200.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị P phải chịu là 200.000 đồng. Các bị cáo Lê Văn H, Huỳnh Minh H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Viên Quang T, Trần Thị Trúc P1, Trần Văn B, Võ Quốc T4; về phạt tiền bổ sung, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long